

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2019

"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Oanh
2. Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị S, sinh năm 1970. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Hà N, sinh năm 1977. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã S, huyện Q, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị S trình bày: Chị và anh Đặng Hà N tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì chồng chị đi bộ đội đến năm 2000 thì

anh hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng 8 năm và đã có với nhau hai đứa con chung. Sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng chị không tu chí làm ăn và không quan tâm đến cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được anh em họ hàng và gia đình hai bên khuyên bảo song tình cảm vợ chồng chị cũng không cải thiện được mà càng trầm trọng hơn, trên thực tế thì vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay chị Vi Thị S nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Đặng Hà N.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đặng Hà N xác nhận: Về thời gian, địa điểm, quan hệ hôn nhân như lời trình bày của chị S là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi sống hạnh phúc với nhau được khoảng 8 năm và đã có với nhau hai đứa con chung. Sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng tôi không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, việc mâu thuẫn của vợ chồng tôi đã được anh em họ hàng và gia đình hai bên khuyên bảo song tình cảm vợ chồng tôi cũng không cải thiện được mà càng trầm trọng hơn, trên thực tế thì vợ chồng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay chị S có yêu cầu xin được ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Anh Đặng Hà N và chị Vi Thị S đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu thứ nhất tên là Đặng Thị M, sinh ngày 22/6/2002, cháu thứ hai tên là Đặng Hà T, sinh ngày 03/5/2005. Khi ly hôn quan điểm của anh chị là giao hai cháu là Đặng Thị M và cháu Đặng Hà T cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thoả thuận và đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Vi Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh Đặng Hà N và tại phiên tòa vắng mặt anh N nhưng anh N đã có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đặng Hà N cũng nhất trí ly hôn; về con chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về chia tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị S và anh Đặng Hà N; Việc nuôi con: Giao hai cháu Đặng Thị M, sinh ngày 22/6/2002 và cháu Đặng Hà T, sinh ngày 03/5/2005 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai

cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về án phí, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Vi Thị S có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Hà N có nơi cư trú là thôn T, xã S, huyện Q, tỉnh G, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Hà N đã có bản tự khai và đã có mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh Đặng Hà N đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc chị Vi Thị S và anh Đặng Hà N bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay và được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Q, tỉnh G nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị S cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung, quá trình giải quyết chị Vi Thị S và anh Đặng Hà N thống nhất thỏa thuận giao hai cháu Đặng Thị M, sinh ngày 22/6/2002 và cháu Đặng Hà T, sinh ngày 03/5/2005 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu M và cháu T, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Vi Thị S. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao hai con chung cho chị S được trực tiếp nuôi, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đặng Hà N được quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

[2.3] *Về chia tài sản chung, công nợ chung:* Anh Đặng Hà N và chị Vi Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 57, 68, 69, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vi Thị S và anh Đặng Hà N.

- *Về nuôi con chung:* Chị Vi Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Đặng Thị M, sinh ngày 22/6/2002 và Đặng Hà T, sinh ngày 03/5/2005 cho đến khi Đặng Thị M và Đặng Hà T đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị S, anh N có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí:* Chị Vi Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0000690, ngày 19/02/2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tòa án báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã S (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Oanh Nguyễn Hồng Diệm

Hà Tuấn Vĩnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Hữu Sản (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh

